

Bản án số: 423/2020/HS-PT

Ngày: 26/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Hạnh;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 363/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Vi Văn T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***\* Bị cáo có kháng cáo:***

**Vi Văn T**, sinh năm 1979 (bị cáo khai sinh năm 1976; tại Biên bản xác minh ngày 16/7/2019 của CQCSĐT Công an thành phố S về năm sinh của Vi Văn T tại Công an xã M, huyện Q thể hiện theo tàng thư lưu trữ đối tượng Vi Văn T, sinh năm 1979); nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông Vi Đại N (đã chết) và bà Phạm Thị N1; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 340/2005/HSST ngày 23/12/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt Vi Văn T 10 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 29/10/2013 Vi Văn T đã chấp hành xong bản án này. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/7/2019, chuyển tạm giam từ ngày 16/7/2019 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

***\* Người bào chữa cho bị cáo:***

- Luật sư Trịnh Thị T1 - Văn phòng luật sư Lê Quốc H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Luật sư Nguyễn Đình G - Văn phòng luật sư Đình Giá & Cộng sự,

thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 2 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 19 giờ 00 phút ngày 10/7/2019, tại đường L (trước khách sạn Đ thuộc khu phố M, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang Trần Ngọc H1 đang có hành vi mua bán trái phép 03 bánh Heroine. Tổ công tác đã lập biên bản thu giữ niêm phong 03 bánh Heroine; ngoài ra còn thu giữ của Trần Ngọc H 133.750.000 đồng, 01 mảnh giấy tích kê nội dung “Vi Văn T bản M, M, Q, Thanh Hóa, số điện thoại 0866577323, số CM 038079008590”, 01 điện thoại Mastel màu vàng, 01 điện thoại Xphone màu tím than và một số đồ vật, tài sản liên quan khác để điều tra làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 10/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa tiến hành Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vi Văn T tại phòng số 108, khách sạn Miền Tây X, D, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa về hành vi đồng phạm mua bán trái phép chất ma túy cùng với Trần Ngọc H1.

Khám xét tại Phòng 108, khách sạn Miền Tây X đã thu giữ của Vi Văn T 384.000.000 đồng và 01 điện thoại OPPO màu trắng xám; ngày 11/7/2019 khám xét nơi ở cư trú của Vi Văn T tại bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã thu giữ 01 thẻ căn cước công dân số 038079008590 mang tên Vi Văn T. Cùng ngày, khi Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp phòng 108, khách sạn Miền Tây X, đường D, phường T, thành phố Thanh Hóa đối với Vi Văn T thì Phạm Bá T2 đang ở phòng 110 đến trình diện Cơ quan điều tra và tự thú về hành vi đang tàng trữ trái phép chất ma túy cùng với Vi Văn T để sử dụng tại Phòng 110 và giao nộp gói ma túy là (Heroine) cho Cơ quan điều tra.

Ngày 11/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Ngọc H1 tại số nhà 241, đường L, phường N, quận H, thành phố Hà Nội đã thu giữ: 01 túi nilon màu trắng có viền màu đỏ, kích thước khoảng 3cm x 6cm, bên trong chứa các cục bột màu trắng ngà dạng vụn cục (nghỉ là Heroine); 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 07457739 phát hành ngày 28/5/2019 của Ngân hàng Vietcombank đứng tên Trần Ngọc H1 tiền gốc 198.000.000 đồng; 11.000.000 đồng; 01 giấy chuyển tiền kèm theo bảng kê; 01 điện thoại FPT P2750 và một số đồ vật khác có liên quan.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo Vi Văn T, Trần Ngọc H1, Phạm Bá T2 khai: Khoảng tháng 01/2019, Trần Ngọc H1 đi dự đám cưới của P (người quen của H1) ở xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa thì tình cờ Trần Ngọc H1 gặp lại Vi Văn T (H1 và T trước đây cùng thụ án tại Trại giam T - Bộ Công an), H1 và T ghi lại số điện thoại của nhau để liên lạc. Khoảng đầu tháng 6/2019, H1 đi xe taxi

lên nhà của T ở Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa chơi, thăm nhà. Qua trò chuyện, T nói cho H1 biết việc T có thể mua được Heroine bên Lào với giá rẻ, nếu H1 cần mua thì liên hệ với T. Sau đó T ghi cho H1 số điện thoại, số căn cước công dân và địa chỉ nhà ở của mình vào một tờ giấy tích kê để H1 tiện liên lạc, chuyển tiền khi có nhu cầu đặt mua Heroine của T.

Đến giữa tháng 6/2019, khi Trần Ngọc H1 đi tập thể dục tại Cung văn hóa hữu nghị Việt-Xô thuộc thành phố Hà Nội tình cờ gặp và làm quen người đàn ông tự giới thiệu tên là T3, nhà ở xã C, quận B, thành phố Hà Nội. Qua trò chuyện, T3 biết được H1 có nguồn mua ma túy (Heroine) để bán nên sáng ngày 22/6/2019 T3 đến nhà của H1 đặt mua 03 bánh Heroine, H1 đồng ý và điện thoại cho T đặt mua 03 bánh Heroin, T đồng ý và thông báo với H1 giá mỗi bánh Heroine là 125.000.000 đồng, T không có tiền, H1 muốn mua Heroine thì phải đặt cọc trước 250.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán khi nhận Heroine. H1 đồng ý và thông báo lại cho T3, T3 đồng ý mua 03 bánh Heroine và hứa trả công cho H1 số tiền là 15.000.000 đồng một bánh Heroine. T3 đưa cho H1 250.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua 03 bánh Heroine, nhận tiền xong H1 đi đến bưu điện thành phố Hà Nội để chuyển tiền cho T qua số căn cước công dân và số điện thoại của T. Sau đó, H1 điện thoại thông báo cho T đã chuyển tiền. Ngày 23/6/2019, T đến Bưu điện huyện Q, tỉnh Thanh Hóa rút số tiền 150.000.000 đồng và ngày 24/6/2019 T rút tiếp số tiền còn lại là 100.000.000 đồng.

Ngày 25/6/2019, T đến bản N, nước CHDCND Lào mua 03 bánh Heroine với giá 260.000.000 đồng của một người đàn ông Lào tên là Chăn S, mang về cất giấu ở trong rừng, khu vực gần nhà T rồi điện thoại thông báo cho H1 biết đã có hàng (03 bánh Heroine), đồng thời thống nhất với H1 là sẽ giao Heroine cho H1 tại Thanh Hóa, H1 đồng ý và hẹn T khi nào vào Thanh Hóa sẽ điện thoại báo trước.

Chiều ngày 09/7/2019, T3 đến nhà H1 đưa tiếp cho H1 số tiền 130.000.000 đồng (trong đó có 125.000.000 đồng là tiền thanh toán mua 03 bánh Heroine còn thiếu, còn lại 5.000.000 đồng là T3 cho H1 ứng trước một phần tiền công) để H1 đi vào Thanh Hóa nhận 03 bánh Heroine về Hà Nội cho T3, số tiền công còn lại T3 sẽ thanh toán cho H1 khi nhận 03 bánh Heroine. H1 gọi điện hẹn gặp T vào ngày 10/7/2019 ở thành phố S để nhận 03 bánh Heroine và thanh toán số tiền còn nợ lại, T đồng ý.

Sáng ngày 10/7/2019, Trần Ngọc H1 thuê taxi của anh Đinh Minh T4, BKS 30A-830.82 và rủ thêm Phạm Phi L đi cùng H1 vào thành phố S, tỉnh Thanh Hóa thuê phòng 601, Khách sạn 33 đường L, phường B, thành phố S để nghỉ và đợi T đến giao 03 bánh Heroine.

Khoảng 06 giờ 00 ngày 10/7/2019, Vi Văn T lái xe ô tô bán tải biển kiểm soát 36C-284.71 từ M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đi xuống thành phố T. Trên đường đi, T vào rừng lấy 03 bánh Heroine giấu vào phía sau thùng xe bán tải đi xuống thành phố S. Khi đi đến thị trấn Q, T dừng xe đón bạn gái là Ngân Thị M,

sinh năm 1977, ĐKHKT tại khu 6, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và Phạm Bá T2 (bạn của T và M), sinh năm 1985, trú tại xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đi cùng. Khi đến thành phố T, M và T thuê 02 phòng nghỉ tại khách sạn Miền Tây X - thành phố T để nghỉ, M và T ở phòng 108, còn T2 ở phòng 110.

Khoảng trưa ngày 10/7/2019, H1 điện thoại thông báo cho T biết H1 đang ở Phòng 601, Khách sạn 33 đường L, phường B, thành phố S. T lấy xe ô tô biển kiểm soát 36C-284.71 đi xuống khách sạn nơi H1 đang ở, cùng đi với T còn có Ngân Thị M và 02 người bạn của M tên là T5 và T6. Phạm Bá T2 nghỉ tại Phòng 110, khách sạn Miền Tây X. Sau khi ăn cơm trưa tại tầng 2 khách sạn 33 đường L, T gọi riêng H1 xuống dưới gara xe của Khách sạn để giao nhận 03 bánh Heroine. Khi xuống gara, H1 và T vào trong xe của T, T ngồi ghế lái, H1 ngồi ghế phụ lái. T lấy 03 bánh heroine từ cánh cửa xe (bên ghế lái) ra đưa cho H1 kiểm tra, H1 kiểm tra xong đưa lại 03 bánh Heroine cho T, sau đó H1 đi lên phòng 601, khách sạn 33 lấy 01 túi màu đen bên trong đựng tiền và quay lại xe để thanh toán 125.000.000 đồng mua 03 bánh Heroine còn thiếu cho T, T nhận tiền và đưa lại cho H1 03 bánh Heroine, H1 nhận 03 bánh Heroine bỏ vào trong túi xách màu đen rồi mang lên phòng 601 cất giấu.

Khoảng 19 giờ 00 ngày 10/7/2019, H1 mang theo túi xách màu đen đựng 03 bánh Heroine và bảo Đinh Minh T4 là người lái xe Taxi biển kiểm soát 30A-830.82 chở H1 và Phạm Phi L đi về Hà Nội. Khi đi đến khu phố H, phường B, thành phố S thì bị tổ công tác Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ ngay dưới chân, tại vị trí H1 đang ngồi bên ghế phụ lái 01 túi xách màu đen bên trong đựng 03 bánh Heroine của Trần Ngọc H1 và một số đồ vật, tài sản liên quan khác như đã nêu trên.

Sau khi giao 03 bánh Heroine trên cho Trần Ngọc H1, Vi Văn T lái xe ô tô biển kiểm soát 36C-284.71 chở Ngân Thị M cùng 02 người bạn của M (T5 và T6) quay về thành phố Thanh Hóa. Khi đến thành phố T thì T6 và T5 đi việc riêng, còn M và T quay lại phòng 108 - nhà nghỉ Miền Tây X nghỉ để sáng ngày 11/7/2019 Ngân Thị M đi đặt mua xe ô tô. Đến khoảng 20h00 ngày 10/7/2019, T mang 01 gói nhỏ Heroine đến phòng 110 nơi Phạm Bá T2 đang ở để cùng nhau sử dụng ma túy, số Heroine còn lại T bảo T2 cất giấu phía sau Tivi ở trong phòng 110 để T và T2 sử dụng dần. T2 cất giấu gói heroin ở phía sau chiếc Tivi trong phòng 110 và gọi điện rủ bạn là Hà Văn C đến phòng 110 để nói chuyện cho vui; còn T quay về phòng 108 cùng Ngân Thị M.

Khoảng 00h00 ngày 11/7/2019, Cơ quan Công an đến kiểm tra, Phạm Bá T2 đã tự nguyện giao nộp 01 gói nhỏ Heroine mà T2 và T đã cất giấu trước đó và tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên.

Tại Bản kết luận giám định số 1715/PC09 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột màu trắng ngà trong 03 khối hình hộp chữ nhật đều là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 1.005,02 gam (cụ thể khối hình hộp chữ nhật

ký hiệu M1 có khối lượng 335,31 gam Heroine; khối hình hộp chữ nhật ký hiệu M2 có khối lượng 336,60 gam Heroine; khối hình hộp chữ nhật ký hiệu M3 có khối lượng 333,11 gam Heroine).

- Chất bột màu trắng do đang ở Phòng 110 khách sạn Miền Tây X tự giao nộp có khối lượng 0,830 gam, loại Heroine.

- Các cục chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn thu giữ tại nơi ở của Trần Ngọc H1 tại 214 L, Hà Nội có khối lượng 0,847 gam Heroine .

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 35; khoản 1 Điều 40; Điều 55; Điều 58; khoản 2 Điều 51; Điều 45; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: Tử hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt tiền bị cáo Vi Văn T 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2020, bị cáo Vi Văn T có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vi Văn T không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Cơ quan điều tra không tiến hành giám định vân tay túi đựng Heroin, không trích xuất camera khách sạn 33 đường L, không tiến hành xác minh giá mua bán Heroin trên thị trường và thu thập danh sách chi tiết điện thoại của bị cáo mà chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo Trần Ngọc H1 là không điều tra đầy đủ để kết án bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo là người có công với Cách mạng; bị cáo là người dân tộc. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã kết luận: Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Ngọc H1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vi Văn T về tội

“Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội và không oan. Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về năm sinh của bị cáo Vi Văn T: Tại Lý lịch bị can (BL204), Bản Kết luận điều tra, Cáo trạng, Bản án hình sự sơ thẩm số 340/2005/HSST ngày 23/12/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa (BL214), sổ hộ khẩu (BL210), căn cước công dân số 038079008590 ngày 19/9/2018 của Vi Văn T (BL219), Công văn số 1054/CV-TGTP ngày 25/10/2019 của Trại giam T Cục cảnh sát quản lý trại giam - Bộ Công an cung cấp thông tin phạm nhân về đối tượng Vi Văn T (BL263)...và Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 24/4/2020 đều thể hiện bị cáo Vi Văn T sinh năm 1979. Tại danh chỉ bản của bị cáo và một số tài liệu khác như bản tự khai của bị cáo T thể hiện bị cáo Vi Văn T sinh năm 1976 (BL201).

Tại Văn bản số 02/CSĐT ngày 16/7/2019 về việc đính chính thông tin lý lịch của bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S có nội dung thể hiện “*Tại thời điểm thiết lập hồ sơ, căn cứ vào lời khai của bị can khai báo năm sinh của Vi Văn T là 1976, qua xác minh tại chính quyền địa phương bị can Vi Văn T sinh năm 1979 là chính xác. Vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S đính chính năm sinh của bị can Vi Văn T theo lý lịch bị can Vi Văn T, sinh năm 1979*”. Tại Biên bản xác minh ngày 16/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S về năm sinh của Vi Văn T tại Công an xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: “*Bị cáo Vi Văn T, sinh năm 1976, nơi ở tại Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; bố là Vi Đại N (đã chết), mẹ là Phạm Thị N1 với đối tượng Vi Văn T, sinh năm 1979, nơi ở tại B, xã M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; bố là Vi Đại N (đã chết), mẹ là Phạm Thị N1 là cùng một người. Theo tàng thư lưu trữ của đối tượng Vi Văn T, sinh năm 1979 theo đúng tài liệu cung cấp làm căn cước công dân*” (BL205). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vi Văn T khai bị cáo sinh năm 1976, nhưng các giấy tờ, tài liệu của bị cáo khai năm sinh là 1979. Như vậy, căn cứ các tài liệu xác minh của Cơ quan điều tra về năm sinh của bị cáo Vi Văn T đã xác định bị cáo Vi Văn T sinh năm 1979.

#### **[2] Về nội dung vụ án**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vi Văn T không thừa nhận có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma

túy. Tuy nhiên, căn cứ bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai và biên bản hỏi cung của bị cáo Vi Văn T tại Cơ quan điều tra đều thể hiện bị cáo Vi Văn T thừa nhận tham gia mua bán trái phép ma túy với Trần Ngọc H1, T là người trực tiếp nhận 250 triệu đồng của H1 đi mua 03 bánh Heroin, trực tiếp giao ma túy cho H1 và nhận số tiền 125 triệu đồng còn lại của H1; chỉ đến bản cung ngày 07/8/2019 Vi Văn T mới thay đổi lời khai, không thừa nhận bán 03 bánh Heroin cho H1 mà cho rằng do H1 nhờ T đổi 03 bánh Heroin kém chất lượng lấy hàng thật và cho rằng các lời khai trước đó bị cán bộ điều tra ép buộc khai báo. Tuy nhiên, bị cáo Vi Văn T không đưa ra được các căn cứ chứng minh bị cáo bị ép cung và tại Biên bản hỏi cung ngày 15/7/2019 có Luật sư tham gia, bị cáo T vẫn thừa nhận hành vi mua bán ma túy với Trần Ngọc H1. Lời khai của Vi Văn T phù hợp với lời khai của Trần Ngọc H1 về việc thỏa thuận trao đổi mua bán ma túy với T, chuyển tiền cho T và số 03 bánh Heroin bị thu giữ là mua của T với giá 125 triệu đồng/bánh, phù hợp với lời khai của Phạm Bá T2 với các vật chứng bị thu giữ của Trần Ngọc H1 như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản kết luận giám định số 1715/PC09 ngày 15/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, phiếu chuyển tiền của H1 cho T, tờ tích kê ghi họ tên, địa chỉ, số điện thoại, số căn cước của T... và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do có quan hệ quen biết từ trước với Trần Ngọc H1 trong thời gian chấp hành án tại Trại giam T, Thanh Hóa. Năm 2019, sau khi gặp nhau tại đám cưới của P ở M, Thanh Hóa (là người cùng chấp hành án với T và H1 tại Trại giam T), Trần Ngọc H1 và Vi Văn T giữ liên lạc với nhau và cùng nhau trao đổi, thỏa thuận mua bán trái phép chất ma túy. Vào hồi 19 giờ 00 phút ngày 10/7/2019, tại đường L (trước khách sạn Đ) thuộc khu phố M, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa đã phát hiện bắt quả tang Trần Ngọc H1 có hành vi mua bán trái phép 03 bánh Heroin có tổng khối lượng 1.005,02 gam Heroin, cùng tham gia mua bán trái phép 03 bánh Heroin nêu trên với Trần Ngọc H1 còn có Vi Văn T. Ngày 11/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp Phòng 108, khách sạn Miền Tây X ở đường D, phường T, thành phố Thanh Hóa đối với Vi Văn T thì Phạm Bá T2 đang ở Phòng 110 đến trình diện Cơ quan điều tra và tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cùng với Vi Văn T để sử dụng tại Phòng 110 và giao nộp gói ma túy có khối lượng 0,830 gam Heroin. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vi Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bị cáo Vi Văn T kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Vi Văn T nhận thức rõ quy định của pháp luật về ma túy, nhưng

vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị xét xử tội phạm liên quan đến ma túy, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội (đã bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xóa án). Quá trình điều tra, xét xử bị cáo T khai nhận có mức độ về hành vi phạm tội của mình. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để xử phạt bị cáo Vi Văn T mức án 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vi Văn T.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Vi Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo Vi Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 35; khoản 1 Điều 40; Điều 55; Điều 58; khoản 2 Điều 51; Điều 45, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Vi Văn T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt tiền bị cáo Vi Văn T 15.000.000đ.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo T (qua trại)
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Phương Hạnh**